

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành Quản lý văn hóa trình độ thạc sĩ của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW
theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ
v/v thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào
tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm
định và ban hành chương trình chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại
học;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 27/10/2022 của Hội đồng Trường
ĐHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP
Nghệ thuật TW và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 05/6/2023 về việc
sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản lý
văn hóa trình độ thạc sĩ;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa trình độ thạc sĩ
của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

(Chương trình đào tạo kèm theo quyết định này)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ
năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, các phòng chức năng, các đơn vị
hữu quan của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

Nơi nhận:

- HĐT (để bc);
- Ban Giám hiệu (để bc);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT; ĐT (06).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

PGS. TS. Lê Vinh Hưng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:

Quản lý văn hóa

Mã số:

8319042

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý văn hóa
 - + Tiếng Anh: Culture management
- Mã số ngành đào tạo: 8319042
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 24 tháng
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý văn hoá
 - + Tên tiếng Anh: Master of culture management
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Thời gian điều chỉnh: năm 2023
- Căn cứ xây dựng chương trình:
 - + Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
 - + Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
 - + Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hoá nhằm cung cấp cho xã hội đội ngũ quản lý có trình độ chuyên môn sâu trong lĩnh vực văn hoá nói riêng, đóng góp công sức vào sự nghiệp đào tạo cán bộ Quản lý văn hoá cho cả nước nói chung. Thạc sĩ

chuyên ngành Quản lý văn hoá sẽ là những hạt nhân nòng cốt tham gia giảng dạy và hoạt động ở các trường đào tạo văn hoá nghệ thuật, các Sở văn hoá, thể thao và du lịch, phòng văn hoá, trung tâm văn hoá, công ty tổ chức sự kiện, những người làm về ngoại giao văn hoá, ... phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể làm các công tác như: quản lý, giảng dạy văn hoá, nghiên cứu khoa học, tổ chức các hoạt động chuyên môn chuyên ngành quản lý văn hoá, nghiên cứu văn hoá chuyên sâu.

2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý văn hóa giúp người học Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, có năng lực quản lý văn hóa phù hợp với thực tiễn, đồng thời linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng lý luận vào thực tế công tác. Từ đó giúp người học:

2.1. Về kiến thức

- Vận dụng được kiến thức của học phần Triết học và Ngoại ngữ làm công cụ trong quá trình nghiên cứu và thực hiện quản lý văn hóa.

- Áp dụng kiến thức chuyên ngành để nhận diện được các vấn đề văn hóa và nhu cầu quản lý nó.

- Phân tích, tổng hợp được các vấn đề văn hóa và nhu cầu quản lý nó.

- Đề xuất được những ý kiến về cả lý luận và thực tiễn trong công tác quản lý văn hóa.

2.2. Về kỹ năng

- Sử dụng (vận dụng) được các kiến thức của các học phần vào quá trình nghiên cứu các vấn đề văn hóa và quản lý văn hóa.

- Nắm vững kiến thức, phát hiện, phân tích chính xác các vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa và quản lý văn hóa

- Giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong nghiên cứu văn hóa và quản lý văn hóa.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng nghiên cứu và dẫn dắt nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa.

- Có năng lực quản lý, ra quyết định và đánh giá các vấn đề về quản lý văn hóa

- Có trách nhiệm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong vai trò người nghiên cứu, quản lý văn hóa.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực quản lý, văn hóa.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành Quản lý văn hóa phải có chứng nhận đã hoàn thành bổ sung kiến thức của chương trình đại học trước khi dự thi.

- Người mới tốt nghiệp đại học phải có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực quản lý văn hóa ít nhất 12 tháng tính tới thời điểm dự thi.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Nếu người dự tuyển chưa đáp ứng yêu cầu này thì phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Nhà trường tổ chức khi thi tuyển đầu vào.

2. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên), hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Quản lý văn hóa các ngành đúng, ngành gần và ngành khác phù hợp với ngành quản lý văn hóa.

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển

+ Môn thi cơ sở: Cơ sở văn hóa Việt Nam

+ Môn thi cơ bản: Kiến thức Quản lý văn hóa

+ Môn Ngoại ngữ

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 100 học viên/năm

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức
KT1 (1/6)	Kiến thức về Triết học Mác - Lê nin, ngoại ngữ để người học có hiểu được thông tin, vận dụng và chủ động xử lý tình huống trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và nghề nghiệp.
KT2 (2/6)	Hiểu chính xác các kiến thức cơ sở về văn hóa, quản lý văn hóa

KT3 (3/6)	Áp dụng được kiến thức của học phần Triết học và Ngoại ngữ làm công cụ trong quá trình nghiên cứu và thực hiện quản lý văn hóa. Áp dụng kiến thức chuyên ngành để nhận diện được các vấn đề văn hóa và nhu cầu quản lý nó
KT4 (4/6)	Phân tích, tổng hợp được các vấn đề văn hóa và nhu cầu quản lý nó
KT5 (5/6)	Đề xuất được những ý kiến về cả lý luận và thực tiễn trong công tác quản lý văn hóa
KT5 (5/6)	Sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng triết học vào học tập, sáng tạo sản phẩm có giá trị thẩm mỹ, văn hoá phù hợp với nhu cầu xã hội, đất nước và thế giới.
CDR – Kỹ năng	
KN1,2 (1-2/5)	Có kỹ năng vận dụng được kiến thức của học phần Triết học và Ngoại ngữ làm công cụ trong quá trình nghiên cứu và thực hiện quản lý văn hóa. Áp dụng kiến thức chuyên ngành để nhận diện được các vấn đề văn hóa và nhu cầu quản lý
KN3 (3/5)	Thực hiện được các thao tác, quy trình quản lý các vấn đề văn hóa
KN4 (4/5)	Phát hiện, phân tích chính xác các vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa và quản lý văn hóa
KN5 (5/5)	Phối hợp tốt kiến thức lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu khoa học và quản lý văn hóa
CDR - Mức tự chủ và trách nhiệm	
TC1 (2/5)	Sẵn sàng, chủ động tiếp thu tri thức khoa học để vận dụng thực hành nghiên cứu và quản lý văn hóa.
TC2 (3/5)	Tự chủ đưa ra các đề xuất và ý kiến phản biện, ra quyết định và đánh giá các vấn đề về quản lý văn hóa
TC3 (4/5)	Có trách nhiệm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong vai trò người nghiên cứu, quản lý văn hóa.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

- Cán bộ ở các trường đào tạo văn hoá nghệ thuật, các Sở văn hoá, thể thao và du lịch, phòng văn hoá, trung tâm văn hoá, công ty tổ chức sự kiện, hoặc làm ở lĩnh vực ngoại giao về văn hoá, ...

- Nghiên cứu ở các tổ chức, cơ quan hoạt động về văn hoá.

- Những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối văn hoá nghệ thuật.

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng học lên trình độ tiến sĩ Quản lý văn hóa, tiến sĩ Văn hóa học.

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Học phần	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức (Từ 1-5)						Kỹ năng (từ 2-5)					Tự chủ, chịu trách nhiệm (từ 2-5)			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC2	TC3	TC4	TC5
Triết học (Philosophy)		4	6	6	5	5	2	5	5	5	7		6	6	6
Tiếng Anh (English)			9	8				9	9	7	8		9	8	
Chính sách văn hóa (Cultural policy)		3	3	3	1				3	2	2	3	2	2	
Tâm lý học quản lý văn hóa (Cultural management psychology)	5	6	6	7	4	2		6	6	6	5		5	6	3
Nhân học văn hóa (Cultural anthropology)		3	3	2	3			3	3	2	2	3	2	1	
Quản lý di sản văn hóa (Cultural heritage management)		3	3	2	1				2	1	2	3	2	2	
Quản lý các nguồn lực phát triển văn hóa (Resource Management and Cultural Development)			2	3	2				2	2	3		3	3	
Thực tế chuyên môn (Professional Practice)			2	2				2	2	2			2	2	

Toàn cầu hóa và văn hóa Việt Nam (Globalization and Vietnamese Cultural)		3	2	2	1				3	2	2	3	3	3	
Môi trường văn hóa (Culture Environmental)		4	4	3	3				3	4	2	2	3	3	
Nghệ thuật tạo hình (Visual Arts)			4	4	3				4	4			4	2	
Nghệ thuật âm nhạc			3	3	3			2	3	2			3	3	
Nghệ thuật sân khấu (Staging Arts)			3	3	1			1	2	2			3	1	
Ngoại giao văn hóa (Cultural Diplomacy)			3	2	2			3	3	2				3	
Quản lý các loại hình truyền thông đại chúng (Management of Types of Mass Media)		3	3	2	1				2	1	2	2	2	3	
Quản lý lễ hội và tổ chức sự kiện (Festivals Management and Events Organization)			3	3	2			3	3	2			3	2	
Quản lý thiết chế văn hóa (Management of Cultural Institution)			4	3	3	1			2	2	2	3	4	3	

Phát triển công nghiệp văn hóa (Cultural Industry Development)			3	2	2			3	2				2	2	
Phương pháp nghiên cứu văn hóa (Cultural studies methods)			4	3	3				4	4	2	2	4	4	
Xã hội học văn hóa (Cultural sociology)			5	4	4			2	1	1			3		
Quản lý hoạt động nghệ thuật (Artistic activity management)			2	3	3	1			2	3	3	3	3		
Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật (Artistic Programmes Staging Methods)			3	3					3	3	1		3		
Luận văn tốt nghiệp (Graduation Essay)			3	3	3			3	3	3		3	3	3	

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 62

1.1. Khối kiến thức chung: 7 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 31 tín chỉ

- Bắt buộc: 18 tín chỉ

- Tự chọn: 13/23 tín chỉ

1.3. Nghiên cứu khoa học và luận văn: 24 tín chỉ

- Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ

- Luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết	Ghi chú
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học, tự nghiên cứu...</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	Khối kiến thức chung		7					
1	SGS3001	Triết học	4	55	5	140	Không	
2	SGS3002	Tiếng Anh	3	35	10	105	Không	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		31					
II.1		Bắt buộc	18					
	<i>Kiến thức cơ sở</i>		<i>7</i>					
3	SGS3003	Chính sách văn hóa	3	35	10	105	Không	
4	SGS3004	Tâm lý học quản lý văn hóa	2	25	5	70	Không	
5	SGS3005	Nhân học văn hóa	2	25	5	70	Không	
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>		<i>11</i>					
6	SGS3006	Quản lý di sản văn hóa	3	35	10	105	Không	
7	SGS3007	Quản lý các nguồn lực phát triển văn hóa	2	25	5	70	Không	
8	SGS3008	Thực tế chuyên môn	6	10	80	210	Không	
II.2		Tự chọn	13/23					
9	SGS3009	Toàn cầu hóa và văn hóa Việt Nam	2	25	5	70	Không	

10	SGS3010	Môi trường văn hóa	3	35	10	105	Không	
11	SGS3011	Nghệ thuật tạo hình	2	25	5	70	Không	
12	SGS3012	Nghệ thuật âm nhạc	2	25	5	70	Không	
13	SGS3013	Nghệ thuật sân khấu	2	25	5	70	Không	
14	SGS3014	Ngoại giao văn hóa	2	25	5	70	Không	
15	SGS3015	Quản lý các loại hình truyền thông đại chúng	2	25	5	70	Không	
16	SGS3016	Quản lý lễ hội và tổ chức sự kiện	3	35	10	105	Không	
17	SGS3017	Quản lý thiết chế văn hóa	2	25	5	70	Không	
18	SGS3018	Phát triển công nghiệp văn hóa	3	35	10	105	Không	
III	Nghiên cứu khoa học và luận văn		24					
	<i>Chuyên đề nghiên cứu</i>		12					
19	SGS3019	Phương pháp nghiên cứu văn hóa	3	40	5	105	Không	
20	SGS3020	Xã hội học văn hóa	3	40	5	105	Không	
21	SGS3021	Quản lý hoạt động nghệ thuật	2	25	5	70	Không	
22	SGS3022	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	4	10	50	140	Không	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	12					
Tổng			62					